

Số: /ĐA-SNNMT

Nghệ An, ngày tháng năm 2025

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ HÈ THU, MÙA NĂM 2025

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU, MÙA NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sản xuất Vụ Hè Thu, Mùa 2024 diễn ra trong điều kiện thời tiết cực đoan như nắng nóng, mưa lớn, đông lạnh và bão lụt, ... đã ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất, tình hình sinh trưởng, phát triển, sản lượng một số cây trồng và đã làm thiệt hại đến 8.419,29 ha diện tích các cây trồng như lúa, ngô rau màu, cây công nghiệp và cây ăn quả.

Nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các ban ngành từ tỉnh đến địa phương và sự cố gắng nỗ lực của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, trong triển khai sản xuất, phòng chống thiên tai, ứng dụng khoa học công nghệ, phòng trừ sâu bệnh, khắc phục những khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất

Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

- UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chỉ thị sản xuất; Đề án; các Công điện ứng phó và khắc phục thiệt hại do bão lụt, mưa lớn (05 công điện); Thành lập các đoàn kiểm tra chỉ đạo sản xuất, ứng phó và khắc phục mưa bão; đã ban hành 03 công văn về các giải pháp để ứng phó trước tình hình gió bão, mưa lụt và chỉ đạo khôi phục sản xuất sau thiên tai.

- Lãnh đạo Tỉnh, các ban ngành của Sở Nông nghiệp và PTNT đã trực tiếp xuống các địa phương để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất và kiểm tra khắc phục tình hình thiệt hại sau mưa lớn, bão lụt.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã đã kịp thời ban hành Đề án, kế hoạch sản xuất; Chỉ thị và thành lập Ban chỉ đạo sản xuất, một số địa phương đã trích ngân sách địa phương để khuyến khích, hỗ trợ nông dân sản xuất; thực hiện tốt cơ cấu giống; phối hợp với các sở, ban ngành cấp trên, huy động mọi lực lượng hiện

có tại địa phương và trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra, khắc phục mưa lớn, bão lụt; chỉ đạo sản xuất; phòng trừ sâu bệnh hại và ứng dụng TBKT vào sản xuất.

2.2. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (*chi tiết tại phụ lục 01*)

Tổng diện tích gieo trồng đạt 109.156,57 ha/KH 108.380 ha (đạt 100,72 % so với KH) và tổng diện tích cho thu hoạch là 109.142,57 ha/KH 108.380 ha (đạt 100,70 % so với KH). Trong đó, tổng sản lượng cây lương thực có hạt 432.186,97 tấn đạt 102,84 % so với vụ Hè Thu - Mùa năm 2023 và đạt 105,34 % so với kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Cây Lúa: Tổng diện tích 77.133,85 ha/KH 79.500 ha (đạt 97,02 %), diện tích cho thu hoạch là 77.132,85 ha (đạt 97,02 % KH). Sản lượng đạt 386.309,16 tấn/KH 376.070 tấn (đạt 102,72 %). Trong đó:

+ Vụ Hè thu: Diện tích 56.859,59 ha, diện tích cho thu hoạch 56.858,59 ha/KH 56.900 ha (đạt 99,93 % KH và đạt 100,05 % so với vụ Hè thu 2023); Năng suất 53,27 tạ/ha/KH 51,0 tạ/ha (đạt 104,45 % KH và đạt 103,78 % so với vụ Hè thu 2023); Sản lượng 302.890,77 tấn/KH 290.190 tấn (đạt 104,38 % KH và đạt 103,84 % so với vụ Hè thu 2023).

+ Vụ Mùa: Diện tích 20.274,26 ha, diện tích cho thu hoạch 20.274,26 ha/KH 22.600 ha (đạt 89,71 % KH); Năng suất 41,14 tạ/ha/KH 38,0 tạ/ha (đạt 108,26 %); Sản lượng 83.418,39 tấn/KH 85.880 tấn (đạt 97,13 %).

- Cây Ngô: Tổng diện tích gieo trồng 13.969,98 ha/KH 12.000 ha, diện tích cho thu hoạch là 13.969,98 ha (đạt 116,42 %). Trong đó:

+ Ngô lấy hạt: Diện tích gieo trồng 11.501,97 ha, diện tích cho thu hoạch 11.501,97 ha/KH 9.000 ha (đạt 127,80 %); Năng suất 39,89 tạ/ha/KH 38,0 tạ/ha (đạt 104,97 %); Sản lượng 45.877,81 tấn/KH 34.200 tấn (đạt 134,15 %).

+ Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò: Diện tích gieo trồng 2.468,01 ha, diện tích cho thu hoạch 2.468,01 ha/KH 3.000 ha (đạt 82,27 %); Năng suất 373,26 tạ/ha/KH 350 tạ/ha (đạt 106,65 %); Sản lượng 92.122,08 tấn/KH 105.000 tấn (đạt 87,74 %).

- Cây Rau các loại: Diện tích gieo trồng 12.587,76 ha, diện tích thu hoạch 12.574,46 ha/KH 11.400 ha (đạt 110,30 %); Năng suất 147,06 tạ/ha/KH 150 tạ/ha (đạt 98,04 %); Sản lượng 184.915,94 tấn/KH 171.000 tấn (đạt 108,14 %).

- Cây Đậu đỗ các loại: Diện tích gieo trồng 1.902,42 ha, diện tích thu hoạch 1.902,42 ha/KH 2.200 ha (đạt 86,47 %); Năng suất 9,0 tạ/ha/KH 8,8 tạ/ha (đạt 102,27 %); Sản lượng 1.712,84 tấn/KH 1.936 tấn (đạt 88,47 %).

- Cây Lạc: Diện tích gieo trồng 592,05 ha, diện tích thu hoạch 592,05 ha/KH 680 ha (đạt 87,07 %); Năng suất 22,56 tạ/ha/KH 22,0 tạ/ha (đạt 102,55 %); Sản lượng 1.335,73 tấn/KH 1.496 tấn (đạt 89,29 %).

- Cây Vừng: Diện tích gieo trồng 2.970,51 ha, diện tích thu hoạch 2.970,51 ha/KH 2.600 ha (đạt 114,25 %); Năng suất 7,39 tạ/ha/KH 7,5 tạ/ha (đạt 98,53 %); Sản lượng 2.196,23 tấn/KH 1.950 tấn (đạt 112,63 %).

2.3. Thời vụ và cơ cấu giống

a. Thời vụ

Vụ Hè thu – Mùa năm 2024 cơ bản các huyện, thành phố, thị xã đều bố trí gieo cấy lúa đảm bảo thời vụ theo từng vùng đất (vùng Hè thu chạy lụt thu hoạch trước 30/8). Tuy nhiên, có một số ít diện tích lúa Hè thu chạy lụt gieo cấy muộn hơn so với lịch thời vụ (*tại các huyện như Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, TP Vinh*).

b. Cơ cấu giống lúa

- Diện tích lúa thuần 73.031,4 ha/KH 70.000 ha, đạt 104,33 % và chiếm 94,68 % diện tích lúa. Diện tích lúa lai 4.102,45 ha/KH 9.500 ha, đạt 43,18 % và chiếm 5,32 % diện tích lúa; Trong đó, các giống có diện tích lớn và năng suất cao là: VNR20; TBR225, Bắc Thịnh; Thiên ưu 8; LTH 31, ...

- Diện tích lúa chất lượng là 31.564,24 ha/KH 30.000 ha (đạt 105,21 %), gồm các giống LTH31, TBR225, Bắc Thịnh, Nếp 97, Bắc thơm 7, Nếp 87, ...

2.4. Công tác bảo vệ thực vật và thủy lợi, tưới tiêu

- Công tác bảo vệ thực vật: Vụ Hè thu - Mùa năm 2024 đã điều tra phát hiện 26.609,26 ha các cây trồng bị nhiễm sâu bệnh các loại, trong đó: trên cây lúa 18.527,70 ha, ngô 444,5 ha, lạc 12,5 ha, cây rau 62 ha, cây cam 455,5 ha, cây mía 589,7 ha, ... Triển khai kịp thời cho địa phương các giải pháp và chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh được 16.732,5 ha (gồm: lúa 14.143,95 ha, ngô 331 ha, lạc 2 ha, rau 27 ha, cam 185,5, mía 693 ha,). Nhìn chung, trong vụ Hè thu - Mùa năm 2024, công tác chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh hại trên các đối tượng cây trồng đã được các địa phương thực hiện tốt, đặc biệt trên những diện tích có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh cao cơ bản đã được phòng trừ kịp thời có hiệu quả.

- Về công tác thủy lợi, tưới tiêu nước: Ngành Nông nghiệp đã phối hợp với các địa phương để chỉ đạo, thực hiện công tác tưới tiêu, điều tiết nước trước tình hình hạn hán, thiếu nước nhằm kịp thời cung cấp nước gieo trồng, tưới dưỡng cho cây trồng. Đồng thời thực hiện tốt công tác tiêu úng, thoát nước nhằm giảm đáng kể thiệt hại do bão lụt, mưa lớn gây ra.

2.5. Sử dụng phân bón

- Hiện nay, nông dân trên địa bàn tỉnh sử dụng rất đa dạng về chủng loại và số lượng phân bón trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, người dân sử dụng phân bón vô cơ chiếm tỷ lệ lớn. Trong thời gian vừa qua, người dân đã có xu hướng tăng lượng sử dụng phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh nhưng vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ.

- Bên cạnh đó, việc người dân sử dụng phân bón không theo khuyến cáo, chưa đúng thời điểm là nguyên nhân chính gây thất thoát phân bón, sâu bệnh, sản phẩm nông sản không an toàn ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng, giá trị nông sản cũng như ảnh hưởng đến tính chất đất, nguồn nước. Ngoài ra, việc sản xuất liên tục từ vụ Xuân sang vụ Hè thu trên đất lúa mà rom rạ không được xử lý phân hủy trước khi triển khai sản xuất vụ Hè thu đã làm giảm chất lượng đất, gây ra hiện tượng ngộ độc hữu cơ, ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển, năng suất cây trồng vụ Hè thu.

2.6. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

- Diện tích chuyển đổi vụ Hè thu - Mùa 2024 là 149,75 ha, trong đó chuyển đổi trên đất 2 vụ lúa là 14,95 ha, chuyển đổi trên đất 01 vụ lúa là 134,80 ha. Chuyển đổi sang cây hàng năm (ngô, rau, lạc, sắn, sen) là 129,3 ha, sang cây lâu năm (ổi, táo, mít, vải, ...) là 4,25 ha, sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản là 11,95 ha.

- Hiệu quả kinh tế trên đất được chuyển đổi: Đối với các cây hàng năm như ngô, sắn, sen, lạc cho lãi từ 20 - 40 triệu đồng/ha; bí xanh cho lãi từ 85 - 95 triệu đồng/ha; trồng lúa kết hợp NTTS cho lãi từ 30 - 55 triệu đồng/ha. Các diện tích chuyển đổi đều cho hiệu quả cao hơn so với trồng lúa từ 1,5 - 4,5 lần.

2.7. Kết quả Chuyển giao và ứng dụng KHCN

a. Kết quả ứng dụng KHCN, TBKT vào sản xuất

- Diện tích các loại cây trồng được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP là 823,29 ha gồm các cây trồng như cây lúa, chè, rau các loại, cây ăn quả, cây dược liệu tại một số huyện như: Nghĩa Đàn, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Đô Lương, Thanh Chương, TP Vinh, Anh Sơn, Tân Kỳ, TX Thái Hòa, Con Cuông,

- Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ được chứng nhận là 86,77 ha cho cây trồng gồm: cam, rau, ổi, đu đủ, sâm ngưi bàng, dược liệu, chè tại các huyện Thanh Chương, TX Thái Hòa, Nghĩa Đàn, Hưng Nguyên, Diễn Châu, Anh Sơn, Kỳ Sơn và 6,4 ha rau được chứng nhận phù hợp định hướng hữu cơ tại Nam Đàn, Quỳnh Lưu; 10 ha cam được chứng nhận chuyển đổi hữu cơ tại huyện Thanh Chương.

- Diện tích lúa cấy bằng máy là 2.079 ha tại các huyện như Yên Thành, Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Thanh Chương. Diện tích áp dụng sản xuất lúa theo SRI là 2.323 ha, áp dụng theo kỹ thuật 3 giảm 3 tăng là 750 ha. Thí điểm sản xuất lúa giảm phát thải trên diện tích 11.000ha.

- Diện tích sản xuất trong nhà lưới, nhà màng là 50,25 ha, trồng các loại cây có giá trị cao như dưa chuột, dưa lưới, dưa vàng,

b. Kết quả công tác chuyển giao KHCN, tiến bộ kỹ thuật

Công tác khuyến nông, chuyển giao các tiến bộ KHKT được các cấp ngành, địa phương quan tâm để đưa đến các tiến bộ mới cho người dân. Nhiều mô hình cây trồng vụ Hè thu – Mùa được đưa vào sản xuất, trong đó điển hình có 45 mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao (37 mô hình liên kết sản xuất và 08 mô hình có hiệu quả khác, ...) đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất.

2.8. Kết quả thực hiện liên kết sản xuất và cấp mã số vùng trồng

a. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm:

Diện tích các cây trồng được liên kết sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2024 hơn 13.000 ha. Kết quả này đã góp phần thúc đẩy sản xuất, đảm bảo ổn định đầu ra cho nông dân.

b. Cấp, quản lý mã số vùng trồng:

Đến nay, đã có 118 vùng trồng được cấp mã số theo tiêu chuẩn nội địa, với các loại cây trồng như: Dưa các loại, rau, cam, bưởi, ổi, nho, chè, mía, lúa, ngô, lạc, ... Và chỉ mới được cấp 01 mã số vùng trồng theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Đã tiến hành giám sát 42 vùng trồng được cấp mã số, trong đó hủy 06 mã số vùng trồng do không tuân thủ quy định và tổ chức không còn nhu cầu sử dụng.

2.9. Về thực hiện cơ chế chính sách trong vụ Hè thu - Mùa 2024

Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương đã có các chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2024 như sau:

a. Thực hiện các chính sách của UBND tỉnh:

- Chính sách hỗ trợ giống cây trồng để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do mưa lớn, lốc sét theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND với số tiền đề nghị là hơn 15,44 tỷ đồng đã góp phần hỗ trợ người nông dân khôi phục sản xuất và tích cực tái đầu tư sản xuất.

- Hỗ trợ kinh phí tích tụ ruộng đất, máy nông nghiệp, chứng nhận mô hình sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn GlobalGAP, xây dựng nhà lưới (màng), giống cây trồng năng suất cao, chất lượng tốt theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 để khuyến khích người dân phát triển sản xuất một cách bền vững, lâu dài và hiệu quả với số tiền hơn 2,241 tỷ đồng.

- Hỗ trợ kinh phí giống, phân bón xây dựng các mô hình đất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP với số tiền hỗ trợ trong vụ Hè thu – Mùa 2024 là hơn 10,105 tỷ đồng. Chính sách này đã góp phần nâng cao trình độ canh tác lúa của nông dân và khuyến khích được người dân, doanh nghiệp tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm.

b. Hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp huyện

- Các huyện, thành, thị bị thiệt hại do mưa lớn, bão lụt, lốc sét đã trích 10% kinh phí cấp huyện với số tiền trên 1,54 tỷ đồng để khôi phục sản xuất theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Tồn tại, hạn chế

- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch một số cây trồng (lúa, lạc, đậu đỗ) và sản lượng lạc, đậu đỗ không đạt so với kế hoạch đề ra; tiến độ gieo trồng lúa vụ Hè thu chậm.

- Diện tích đất sản xuất bình quân/hộ ít, manh mún, nhỏ lẻ; sử dụng nhiều giống có thời gian sinh trưởng cách xa nhau trên cùng một cánh đồng gây khó khăn trong quá trình chăm sóc, quản lý sâu bệnh hại cũng như thu hoạch.

- Tổng diện tích cây trồng bị thiệt hại trong vụ Hè thu - Mùa 2024 là 8,419,29 ha (lúa, ngô và rau màu, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu), trong đó diện tích thiệt hại >70 % là 5.678,2 ha, thiệt hại từ 30 - 70 % là 2.741,08 ha.

- Diện tích đất lúa trong kế hoạch không sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2024 là 2.366,15 ha (*tại một số huyện như Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Kỳ Sơn,...*). Diện tích các cây trồng phải gieo trồng lại là trên 3.000 ha.

- Diện tích các cây trồng được liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm và diện tích được chứng nhận theo các tiêu chuẩn an toàn vẫn còn chiếm tỷ lệ rất thấp (*diện tích được chứng nhận an toàn chiếm khoảng 0,66 %, diện tích được liên kết bao tiêu sản phẩm chiếm khoảng 11,91 %*).

- Việc hình thành và phát triển vùng sản xuất tập trung đảm bảo quy mô, tuân thủ các quy trình sản xuất, các tiêu chuẩn, điều kiện vùng trồng còn rất hạn chế, đặc biệt là vùng trồng đảm bảo điều kiện cung cấp nông sản xuất khẩu.

3.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

a. Nguyên nhân khách quan

- Do ảnh hưởng của mưa to ngày 30-31/5, bão số 3 (06-12/9), áp thấp nhiệt đới (20-23/9) và các đợt mưa to, lốc xoáy đã làm thiệt hại nhiều diện tích cây trồng, một số diện tích cây trồng thiệt hại đầu vụ phải gieo trồng lại nên cũng ảnh hưởng đến các chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch và tăng chi phí sản xuất.

- Ảnh hưởng của nắng nóng (*có 12 đợt nắng nóng, nắng nóng gay gắt diện rộng. Đáng chú ý là đợt nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt xảy ra từ ngày 25 - 30/04, với nhiệt độ tối cao ngày phổ biến 39.0-42.0 độ C*) nên mực nước một số hồ đập và trạm bơm dọc sông Lam xuống thấp gây khó khăn trong việc cấp nước, vì vậy ảnh hưởng đến tiến độ gieo cấy lúa vụ Hè thu và một số diện tích lúa vùng cao cường, cuối kênh bị hạn không có nước để gieo trồng.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn ở một số địa phương cơ sở còn thiếu tập trung và quyết liệt trong việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, cơ cấu giống, phòng trừ sâu bệnh hại nên ảnh hưởng đến diện tích và sản lượng cây trồng.

- Việc đăng ký các chỉ tiêu kế hoạch diện tích của một số địa phương chưa sát với tình hình thực tế dẫn đến diện tích, sản lượng không đạt so với kế hoạch đề ra.

- Lực lượng lao động trong nông nghiệp thiếu do ngày càng già hóa. Hiệu quả sản xuất vụ Hè thu - Mùa thấp do nhiều rủi ro (*thời tiết, sâu bệnh*); tiếp cận thông tin về KHCN, TBKT của đa số nông dân vẫn còn nhiều hạn chế nên chưa có nhiều sản phẩm nông sản an toàn, có thương hiệu và truy xuất nguồn gốc.

- Quá trình vận động, khuyến khích nông dân tập trung ruộng đất để thực hiện sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, đồng thời tuân thủ nghiêm túc các quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn trong sản xuất và hình thành các liên kết bao tiêu sản phẩm,... còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA 2024

- Cần xác định diện tích đất lúa để xây dựng kế hoạch sản xuất sát đúng với tình hình thực tế, phù hợp đặc điểm sản xuất, điều kiện cụ thể của từng vùng, địa phương.

- Tập trung chỉ đạo nông dân gieo cấy lúa trên những diện tích có đủ nước tưới. Chỉ bố trí sản xuất lúa ở những vùng có nước ngọt đủ 3 tháng, tối thiểu phải đủ 2,5 tháng đảm bảo đủ nước ngọt ở giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng, trổ, chín sữa. Sử dụng các giống ngắn ngày, cực ngắn ngày, gieo trồng đồng loạt, tập trung theo từng vùng, từng cánh đồng.

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách kịp thời, quyết liệt, huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị, phát huy tốt các nguồn lực để hướng dẫn, triển khai thực hiện phòng chống thiên tai, dịch bệnh,... là yếu tố hết sức quan trọng đảm bảo thắng lợi trong sản xuất.

- Chủ động xây dựng kế hoạch điều tiết nước, lịch tưới của các công trình thủy lợi đảm bảo nguồn nước cho sản xuất. Thời điểm nắng nóng, đất bị khô hạn thì huy động mọi giải pháp để ưu tiên tưới trên những diện tích cây trồng đã gieo cấy, hạn chế thấp nhất thiệt hại gây ra.

- Đối với những diện tích đất trồng lúa không có nước suốt cả vụ, thực hiện chuyển đổi sang trồng các cây trồng cạn có nhu cầu nước ít hơn như ngô sinh khối, đậu đỗ các loại, vừng, ...). Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đồng thời chuyển đổi mùa vụ để khi đất đủ độ ẩm có thể gieo trồng, đảm bảo thời vụ.

- Công tác dự tính, dự báo và cung cấp thông tin tình hình thiên tai, dịch hại cây trồng cho người dân kịp thời, chính xác; công tác hướng dẫn, chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại luôn chủ động, đúng thời điểm góp phần rất quan trọng trong phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại.

- Thực hiện tốt tác tuyên truyền, phổ biến về kế hoạch sản xuất, nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả, để nông dân biết, hiểu và thực hiện.

- Quan tâm đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đặc biệt, cần huy động nguồn lực để triển khai các kế hoạch, giải pháp nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh cho nông sản Nghệ An một cách đồng bộ và bền vững; trong đó, cần chú trọng từ khâu xây dựng vùng trồng đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn để tạo ra nông sản an toàn và chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT VỤ HÈ THU, VỤ MÙA NĂM 2025

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2025

1.1. Dự báo tình hình thời tiết

Theo dự báo của Đài Khí tượng - Thủy văn Bắc Trung Bộ tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2025 như sau:

*** Hiện tượng ENSO**

Hiện tại, hiện tượng ENSO đang trong điều kiện La Nina, với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương thấp hơn 0,6°C so với TBNN. Từ tháng 3 đến tháng 5/2025, ENSO có khả năng chuyển dần sang trạng thái trung tính với xác suất từ 60-70% và nhiều khả năng sẽ duy trì trạng thái trung tính trong những tháng còn lại của năm 2025.

*** Khí tượng**

- Bão, áp thấp nhiệt đới và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm

Từ tháng 5-6/2025 bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông ở mức xấp xỉ TBNN và có khả năng xuất hiện từ khoảng nửa cuối tháng 6/2025. Bão/ATNĐ có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Nghệ An vào tháng 9-10.

- Mưa lớn, dông, lốc, sét, mưa đá: có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh, đặc biệt trong các thời kỳ chuyển mùa (tháng 4-5 và tháng 9-10/2025).

- *Nắng nóng*: Có khả năng xuất hiện ở khu vực tỉnh Nghệ An từ tháng 4, và gia tăng cường độ trong tháng 5-7/2025. Cường độ nắng nóng có khả năng ít gay gắt và ít kéo dài như năm 2024.

- *Nhiệt độ*:

+ Từ tháng 03-06/2025, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Từ tháng 07-12/2025, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức cao hơn khoảng 0,5-1,0°C so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Lượng mưa*:

+ Tháng 03 - 04/2025 và 11 - 12/2025, TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Tháng 05 - 10/2025, TLM phổ biến cao hơn so với TBNN 10-30% cùng thời kỳ.

* Thủy văn

- Từ tháng 03 đến tháng 05/2024, mực nước trên các sông Nghệ An biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu ảnh hưởng của thủy triều. Lượng dòng chảy trên các sông giảm dần và có khả năng tăng lên trong tháng 5/2025. Lượng dòng chảy từ tháng 3 - 05/2025 có khả năng thấp hơn so với TBNN từ 10 – 38 % cùng thời kỳ.

- Từ tháng 06 - 9/2024, lượng dòng chảy trên các sông Nghệ An có khả năng xuất hiện 02 – 03 đợt lũ. Lượng dòng chảy trên các sông Nghệ An có khả năng ở mức thấp hơn so với TBNN từ 25 - 40% cùng thời kỳ. *Cần đề phòng nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất vùng đồi núi và ngập úng cục bộ ở những vùng thấp trũng.*

1.2. Nhận định về tình hình nguồn nước

a. Nguồn nước các hồ chứa thủy lợi:

Tỉnh Nghệ An có 1.061 hồ chứa. Tính đến ngày 18/3/2024 tình hình như sau:

- Các hồ chứa do công ty TNHH thủy lợi quản lý: Quan trắc 109 hồ, hiện nay có hơn 90% hồ chứa có dung tích hữu ích thiếu hụt so với dung tích thiết kế, (Cụ thể: 11 hồ đầy nước, cùng kỳ năm 2024 có 12 hồ đầy nước; 72 hồ có dung tích >70 % WTK, cùng kỳ năm 2024 có 50 hồ; 19 hồ có dung tích từ 50-70% WTK, cùng kỳ năm 2024 có 31 hồ; 07 hồ có dung tích <50% WTK, cùng kỳ năm 2023 có 16 hồ).

- Các hồ chứa do địa phương quản lý: có 952 hồ. Lượng nước trong các hồ chứa đến thời điểm hiện nay: có 302 hồ đập đầy nước; 567 hồ đập có dung tích lớn hơn 70 % WTK; 83 hồ đập có dung tích dưới 70 % WTK.

b. Hồ chứa thủy điện Bản Vẽ: Mực nước hồ Bản Vẽ lúc 15 giờ ngày 18/3/2025: Mực nước hồ: 191,92m/200m; lưu lượng về hồ 35,29m³/s; Dung tích hữu ích 1.038,9 triệu m³; dung tích hiện tại là 1.490,5 triệu m³ /TK 1.835 triệu m³ (đạt 81,2%); (Cùng kỳ TL 192,34m/TK 200m).

1.3. Tình hình sản xuất vụ Xuân 2025

a. Về diện tích gieo trồng: Theo báo cáo của UBND các huyện thành, thị, tính đến ngày 19/3/2025 diện tích các cây trồng vụ Xuân 2025 như sau:

- Cây lúa: Tổng diện tích lúa đã gieo cấy là 91.026,26 ha/KH 90.500 ha, đạt 100,58 % so với kế hoạch; Diện tích lúa trổ trước 15/4 khoảng 10.500 ha, trổ từ 15-25/4 khoảng 54.000 ha và trổ sau 25/4 hơn 26.500 ha.

- Cây ngô: Diện tích đã gieo trồng: 17.336,36 ha/KH 18.300 ha, đạt 94,73% so với kế hoạch.

- Cây lạc: Diện tích đã gieo trồng: 7.092,94 ha/KH 8.000 ha, đạt 88,66 % so với kế hoạch.

- Cây rau các loại: Diện tích đã gieo trồng: 11.405,43 ha/KH 11.500 ha, đạt 99,18 % so với kế hoạch.

- Cây khoai lang: Diện tích đã gieo trồng: 733,35 ha/KH 1.000 ha, đạt 73,34 % so với kế hoạch.

b. Tình hình sâu bệnh hại chính

- Tình hình sinh trưởng các loại cây trồng: Hiện nay, các cây trồng đang sinh trưởng và phát triển tốt. Cây lúa giai đoạn đứng cái, làm đòng; Cây ngô: giai đoạn cây con đến trổ cờ, phun râu; cây lạc: ra hoa, đâm tia, phát triển củ,...

- Tình hình sâu bệnh hại chính:

+ Trên cây lúa: Bệnh đạo ôn lá: tổng diện tích nhiễm bệnh trên 391,71 ha (trong đó có 12 ha nhiễm nặng); Bệnh khô vằn: tổng diện tích nhiễm bệnh 1.846 ha, trong đó có 219 ha nhiễm nặng; Chuột hại: Phát sinh gây hại trên diện rộng, tổng diện tích bị chuột hại 2.405,9 ha, trong đó có 323,4 ha bị hại nặng; Bạc lá, đốm sọc vi khuẩn: Toàn tỉnh hiện có trên 58,3 ha nhiễm bệnh, trong đó nhiễm nặng 1,6 ha, ... Một số đối tượng khác xuất hiện rải rác và gây hại nhẹ.

+ Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại với mật độ nơi cao 2 - 3 con/m². Tổng diện tích nhiễm sâu 5,1 ha. Các đối tượng khác phát sinh gây hại cục bộ, ở mức độ nhẹ.

+ Trên cây lạc: Diện tích nhiễm các đối tượng sâu bệnh chính như: Bệnh đốm lá 150,1 ha; Bệnh thối gốc 52 ha.

+ Trên cây rau: Các đối tượng sinh vật gây hại như: Bọ nhảy, sâu xanh, sâu khoang, bệnh thán thư, mốc sương, sương mai, ... phát sinh gây hại cục bộ, ở mức độ nhẹ.

1.4. Nhận định về tình hình sâu bệnh hại

Dự báo trong vụ Hè Thu năm 2025 tình hình sinh vật gây hại chính trên các cây trồng chính sẽ diễn biến phức tạp, khó lường. Trên cây lúa thời kỳ đầu vụ khả năng ốc bươu vàng, chuột, bọ trĩ, ngô độc hữu cơ,... sẽ gây hại trên diện rộng, cục bộ một số vùng bị gây hại nặng, giữa đến cuối vụ các đối tượng như chuột, sâu cuốn lá nhỏ, rầy, sâu đục thân, nhện gié, bệnh bạc lá, lem lép hạt, khô vằn,... có nguy cơ gây hại cao, cục bộ một số diện tích có khả năng bị gây hại nặng gây ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng sản phẩm. Ngoài lúa các sâu bệnh có nguy cơ cao phát sinh gây hại trên các cây trồng khác như: Sâu keo mùa thu hại ngô, sâu khoang, bệnh lở cổ rễ, héo xanh hại lạc, sâu cuốn lá hại vừng, đậu đỗ.

1.5. Những thuận lợi, khó khăn sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2025

a. Thuận lợi

- Cấp ủy Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương quan tâm vào cuộc đề tập trung chỉ đạo cũng như có các cơ chế, chính sách để khuyến khích, đưa nhanh các KHCN, TBKT áp dụng vào sản xuất.

- Việc đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên tất cả các lĩnh vực. Cùng với các tiến bộ kỹ thuật về giống (*giống năng suất chất lượng cao, giống chống chịu sâu bệnh, hạn hán, ...*), công nghệ tưới, nhà lưới, nhà màng và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (*hữu cơ, VietGAP, ...*), liên kết sản xuất, cơ giới hóa (*khâu làm đất, gieo cấy, thu hoạch, phun thuốc BVTV bằng máy*),... ngày càng khẳng định được hiệu quả là điều kiện thuận lợi để phát triển, ứng dụng vào sản xuất sẽ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm công lao động, đẩy nhanh tiến độ gieo trồng đảm bảo thời vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Các công trình thủy lợi, kênh mương và giao thông nội đồng đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp sẽ thuận lợi trong việc tưới tiêu nước, cơ giới hóa vào sản xuất.

- Tính đến ngày 30/12/2024, toàn tỉnh có 721 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 490 HTX hoạt động hiệu quả (157 HTX hoạt động tốt; 333 HTX hoạt động khá), có 278 HTX đã thực hiện liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho người dân từ 01- 02 vụ/năm và 97 HTX công nghệ cao vào sản xuất, 115 HTX có sản phẩm đạt hạng sao OCOP với tổng 191 sản phẩm. Số HTX thực hiện liên kết, khâu nối cung ứng, tiêu thụ nông sản cho người dân ngày càng tăng và các mô hình liên kết sản xuất (lúa, ngô sinh khối, ngô ngọt, rau các loại,...) đã được khẳng định, cho hiệu quả sẽ là điều kiện thuận lợi trong việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, tạo thu nhập ổn định, bền vững cho nông dân, từ đó nâng cao giá trị nông sản.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, thủy lợi, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho

công tác chỉ đạo sản xuất, bố trí thời vụ, phòng trừ dịch hại, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Các loại vật tư nông nghiệp đa dạng, có chất lượng tốt được cung ứng kịp thời, đầy đủ phục vụ nhu cầu sản xuất.

b. Khó khăn

- Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Trung Bộ thì nhiệt độ trung bình từ tháng 03-06/2025 phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ. Từ tháng 07-10/2024, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức cao hơn khoảng 0,5-1,0^oC so với TBNN cùng thời kỳ. Lượng mưa từ tháng 03 - 04/2025, TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, từ tháng 05 - 10/2025, TLM phổ biến cao hơn so với TBNN 10-30% cùng thời kỳ. Nắng nóng có khả năng xuất hiện ở khu vực tỉnh Nghệ An từ tháng 4, và gia tăng cường độ trong tháng 5-7/2025; với thực trạng nguồn nước tại các hồ đập, sông suối và các công trình đầu mối nói trên thì nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn có thể xảy ra ở vùng cao cường, cuối kênh và cuối hệ thống. Bên cạnh đó, bão/ATNĐ có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Nghệ An vào tháng 9-10. Do đó, nguy cơ sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch vụ Hè thu – Mùa 2025 (*diện tích, năng suất, sản lượng*).

- Theo dự báo của một số huyện thì diện tích có nguy cơ hạn, thiếu nước nằm trong kế hoạch là 2.912 ha (tại một số huyện như Yên Thành, Quỳnh Lưu, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương, Đô Lương, Anh Sơn, Con Cuông, Quỳnh Châu, Quế Phong, ...), do đó cũng sẽ ảnh hưởng đến hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất.

- Nguy cơ tiềm ẩn một số dịch hại có thể phát sinh gây hại mạnh trong vụ Hè thu - Mùa 2025 như: Sâu cuốn lá nhỏ, chuột, rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié, bệnh lùn sọc đen, ... trên cây lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô. Nhất là những vùng không sản xuất sẽ là nơi trú ngụ, phát sinh của chuột và các loại sâu bệnh hại.

- Giá cả vật tư nông nghiệp tăng nhất là phân bón, năng suất thấp dẫn đến hiệu quả sản xuất lúa vụ Hè thu - Mùa thấp sẽ gây khó khăn trong việc chỉ đạo việc hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất.

- Công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất, kiểm tra, giám sát ở một số địa phương cơ sở vẫn chưa thực sự chủ động và quyết liệt; nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng. Bên cạnh đó, đây là giai đoạn sáp nhập các xã, bỏ đơn vị hành chính cấp huyện nên sẽ ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo sản xuất ở cơ sở.

- Lực lượng lao động trong sản xuất nông nghiệp ngày càng già hóa và thiếu do chuyển dịch sang các ngành nghề khác có thu nhập ổn định hơn sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch diện tích và chăm sóc trong sản xuất. Chất

lượng và trình độ lao động trong nông nghiệp còn thấp sẽ gây khó khăn cho việc chuyên giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Diện tích đất sản xuất bình quân/hộ ít, manh mún, nhỏ lẻ nên việc ứng dụng các tiến bộ sản xuất hạn chế, là lực cản trong sản xuất hàng hóa quy mô lớn cũng như thu hút các dự án lớn cho phát triển nông nghiệp.

- Các chính sách hỗ trợ hiện nay còn dàn trải, chưa đủ mạnh để khuyến khích, đẩy mạnh sản xuất theo hướng tập trung và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm, kết nối để tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn, thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng đến việc đầu tư sản xuất của người dân.

- Ngoài ra, sản xuất vụ Hè thu, Mùa năm 2025 diễn ra trong bối cảnh thực hiện chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy (bổ cấp huyện, sáp nhập xã) cũng đặt ra những khó khăn, thách thức trong công tác quản lý, chỉ đạo và quá trình tổ chức thực hiện Đề án sản xuất.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2025

2.1. Phương hướng

- Xây dựng kế hoạch, bố trí cơ cấu giống, cây trồng, thời vụ hợp lý phù hợp với điều kiện thực tế, cụ thể từng vùng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của từng địa phương. Linh động, quyết liệt và huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc để tập trung chỉ đạo sản xuất; khai thác tối đa và phát huy cao mọi nguồn lực để vụ Hè thu - Mùa 2025 hoàn thành chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng, đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả cao.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ ở những vùng không có nước suốt cả vụ, sản xuất không an toàn, kém hiệu quả trong vụ Hè thu - Mùa sang các cây trồng khác có nhu cầu nước ít hơn để đảm bảo sản xuất an toàn, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng các KHCVN, tiến bộ kỹ thuật, mở rộng diện tích các cây trồng sản xuất theo hướng an toàn (hữu cơ, VietGAP, ...) để nâng cao giá trị nông sản; hình thành các vùng sản xuất tập trung, tuân thủ các quy trình, quy chuẩn, đảm bảo tiêu chuẩn sản phẩm từ khâu sản xuất đến chế biến và tiêu thụ.

- Quan tâm đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; Chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, tập trung ruộng đất, liên kết sản xuất, kết nối tiêu thụ và quảng bá nông sản của địa phương.

2.2. Mục tiêu kế hoạch

a. Sản xuất lương thực

- Thực hiện chỉ tiêu sản xuất lương thực tại Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao chỉ tiêu kế hoạch KT-XH tỉnh Nghệ An năm 2025 là 1.033.475 tấn. Căn cứ vào tình hình sản xuất vụ Đông 2024 (*diện tích ngô ước đạt 15.500 ha, sản lượng ước đạt 74.400 tấn*); ước vụ Xuân năm 2025 (*cây lúa: diện tích 91.026,26 ha, sản lượng ước đạt 618.978 tấn; cây ngô lấy hạt: diện tích ước đạt 16.500 ha, sản lượng ước đạt 82.500 tấn*), thì vụ Hè Thu - Mùa năm 2025 phải phấn đấu đạt 400.360 tấn lương thực.

- Để sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2025 an toàn, hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế thì mục tiêu cụ thể các cây trồng phấn đấu đạt như sau: (*kèm theo phụ lục 02*).

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây lúa, trong đó	77.500	47,39	367.300
1.1	Vụ Hè Thu	56.000	51,0	285.600
1.1	Vụ Mùa	21.500	38,0	81.700
2	Cây ngô, trong đó	11.500		
2.1	Ngô lấy hạt	8.700	38,0	33.060
2.1	Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò	2.800	350,0	98.000
	Tổng cộng sản lượng lương thực có hạt			400.360

Trong đó, cơ cấu 30.000 ha lúa chất lượng và khoảng 9.000 ha lúa lai (vụ Hè Thu 4.000 ha và vụ Mùa 5.000 ha).

b. Các cây trồng khác

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây lạc	600	22,0	1.320
2	Đậu đỗ các loại	1.900	9,0	1.710
3	Cây vừng	2.600	7,4	1.924
4	Rau các loại	11.600	148,0	171.680

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Bố trí thời vụ và cơ cấu giống

a. Cây lúa

Với dự báo tình hình hạn hán có thể xảy ra đối với vùng cao cường, cuối kên, cuối hệ thống, cuối vụ xảy ra mưa bão, đông lốc. Do đó, thực hiện thời vụ gieo cấy lúa Hè Thu với phương châm “Càng sớm càng tốt” và đặt an toàn, hiệu quả lên trên hết; phải xem xét thời điểm thu hoạch lúa Xuân, khả năng phân phối nước để chọn thời điểm ra mạ, gieo thẳng và cơ cấu giống để khép kín diện tích và tránh mưa lụt, bão, áp thấp nhiệt đới cuối vụ.

Sử dụng các giống đã được công nhận chính thức, công nhận lưu hành và làm mô hình có hiệu quả tốt tại Nghệ An. Đưa nhanh các giống có năng suất cao, ổn định, chất lượng gạo khá vào sản xuất, đảm bảo mục tiêu tăng cơ cấu và diện tích sản xuất giống chất lượng trên địa bàn tỉnh.

Để đảm bảo các yêu cầu trên, định hướng sử dụng giống và bố trí thời vụ cho từng vùng được xác định như sau:

* *Vùng thấp trũng có nguy cơ ngập lụt cao*: Diện tích trên 8.700 ha, tập trung ở các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Lộc, Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Thanh Chương, Thành phố Vinh và rải rác ở một số huyện khác. Đối với vùng này để tránh bị ngập lụt cuối vụ, cần tuân thủ chặt chẽ về lịch thời vụ, gieo mạ để cấy, sử dụng các giống cực ngắn ngày.

- Thời vụ gieo cấy: Bố trí gieo cấy để thu hoạch trước 30/8.

- Cơ cấu giống như sau: Nên sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày và gieo mạ để cấy.

+ Lúa thuần: TBR97; Khang dân đột biến; ...

+ Lúa Lai: Việt Lai 20, ...

* *Vùng đất vàn*

- Thời vụ gieo cấy: Bố trí gieo cấy để thu hoạch trước 25/9.

- Cơ cấu giống: Đây là vùng Hè Thu thâm canh, cần sử dụng các giống có năng suất cao, thời gian sinh trưởng có thể dài hơn nhưng không quá 110 ngày. Trường hợp lúa Xuân thu hoạch muộn hoặc do điều tiết nước để làm đất gieo cấy gặp khó khăn, muộn thì phải sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày. Những địa phương có điều kiện về nguồn nước đảm bảo, chỉ đạo tốt việc gieo mạ và bố trí thời vụ hợp lý để thu hoạch an toàn thì có thể cơ cấu những giống dài ngày hơn, gạo chất lượng.

Cơ cấu giống vùng này như sau:

+ Lúa thuần: VNR20; LTH31 (SL9); Bắc Thịnh; Vật tư NA2; Hà Phát 3; TBR225; Thiên ưu 8; Khang dân 18 (*sử dụng cho vùng sản xuất làm hàng hóa*),

+ Lúa lai: Thái xuyên 111; Long Hương 8117; GS 55; Nhị ưu 986; Thụy Hương 308, ...

* *Vùng vằn cao ở đồng bằng, vùng ruộng lúa bán sơn địa*

- Thời vụ gieo cấy: Vùng này có thể bố trí gieo cấy để thu hoạch sau 25/9.

- Cơ cấu giống:

+ Đối với vùng chủ động nước: Ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt như các giống cơ cấu ở vùng vằn và có thể sử dụng thêm một số giống dài ngày hơn như: Lúa thuần: Nếp 97; BC15; Nếp 87; ...

+ Đối với vùng không chủ động nước, có nước muộn nên sử dụng các giống ngắn ngày như vùng thấp lụt và giống có khả năng chịu hạn để khi có nước thì tiến hành gieo cấy cho kịp thời vụ.

*Theo định hướng trên, căn cứ vào kết quả sản xuất các năm trước và điều kiện sản xuất của địa phương. Trên cùng một xứ đồng nên chọn các giống lúa có thời gian sinh trưởng tương đương nhau và phải gieo cấy xong trong vòng 2 - 3 ngày để thực hiện tốt các yêu cầu chăm sóc, quản lý sâu, bệnh hại. Tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, các huyện có thể lựa chọn các giống lúa tại **phụ lục 03** để đưa vào cơ cấu giống của địa phương.*

* *Đối với diện tích 2.912 ha đất lúa có nguy cơ hạn, thiếu nước sản xuất*

- Tích trữ nước hiện có trên ruộng đang sản xuất lúa vụ Xuân; hạn chế tối đa việc tiêu tháo nước khi thu hoạch lúa Xuân ở những diện tích này.

- Đối với những diện tích lúa Hè thu nguy cơ bị hạn hán cao, không có nước sản xuất kịp thời vụ thì chuyển sang trồng vụ Mùa để khép kín diện tích nhưng vẫn phải đảm bảo có nước ngọt tối thiểu 2,5 tháng để cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt.

- Đối với vùng này nên sử dụng các giống cực ngắn ngày như vùng thấp trũng để giảm bớt áp lực thời gian trong sản xuất.

- Các địa phương xây dựng phương án chống hạn; huy động cả hệ thống chính trị, mọi lực lượng để chỉ đạo, điều tiết đủ nước phục vụ trước và trong quá trình sản xuất đối với những diện tích có nguy cơ hạn hán.

- Thời điểm nắng nóng, đất bị khô hạn thì huy động mọi giải pháp để ưu tiên tưới trên những diện tích lúa đã gieo cấy để bảo vệ những diện tích đã gieo cấy, hạn chế thấp nhất thiệt hại gây.

b. Các cây hoa màu ngắn ngày (ngô, lạc, vừng, đậu đỗ, rau các loại):

Sau khi thu hoạch vụ Xuân, cần chủ động tranh thủ đất đủ độ ẩm để làm đất gieo ngay. Sử dụng các giống sau:

- Cây ngô: Mỗi địa phương lựa chọn không quá 03-05 giống ngô lai và 02 giống ngô nếp để đưa vào cơ cấu và với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh, ưu tiên sử

dụng các giống ngô chuyển gen để hạn chế sự gây hại của sâu keo mùa thu với các giống sau: DK 6919S; CP511; NK6275; NK6101BGT; CP511S; MX10; HN68, ... Ngoài các giống trên có thể lựa chọn các giống ngô khác có trong **phụ lục 04**.

- Cây lạc: Sử dụng các giống như: L14, L23, L26, L27, Sen lai (75/23), TK10, L20, ... (**Chi tiết tại phụ lục 05 kèm theo**)

- Cây vừng: Sử dụng các giống: V6 và vừng địa phương (đen, vừng vàng), ... (**Chi tiết tại phụ lục 06 kèm theo**).

- Cây đậu đỗ các loại: Đậu xanh: V 135, ĐX 208, ĐX 11, ĐX 21, giống địa phương (đậu đen xanh lòng, đậu đen trắng lòng, đậu đỏ) , ... (**Chi tiết tại phụ lục 06 kèm theo**).

- Cây rau các loại: Có thể sử dụng các giống sau:

+ Bí xanh: Bí xanh số 1, Nova 209, Bí xanh Green 558, Bí xanh Ruby 456, An Điền 686, ...

+ Mướp ngọt: Hương Việt, Thanh Hoa, ...

+ Mướp đắng: F1 Palee, TV-208, ...

+ Dưa hấu: Super Hoàn Châu, Super Man, Phù Đổng, Trang Nông 1096, AD779, VT448, ... (**Chi tiết tại phụ lục 06 kèm theo**).

+ Rau mồng tơi, rau muống hạt, rau dền, ...

3.2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

- Các địa phương căn cứ quy định tại Luật Trồng trọt; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025 theo Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh Nghệ An để tổ chức triển khai chuyển đổi đúng với các quy định hiện hành, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, nhất là những vùng không đủ nước tưới suốt cả vụ, vùng cuối kênh, bán sơn địa, vùng trồng lúa kém hiệu quả để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Xây dựng các cơ chế và các điều kiện để khuyến khích người dân chuyển đổi. Chuyển đổi phải gắn với bao tiêu sản phẩm để phát triển bền vững và tạo động lực cho nông dân chuyển đổi và đẩy mạnh sản xuất.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đồng thời chuyển đổi mùa vụ, hạn chế bỏ hoang đất. Khuyến khích chuyển đổi cả 2 vụ để thuận lợi cho việc lựa chọn cây trồng thích hợp.

+ Đối với những vùng bán sơn địa, cuối kênh thường xuyên thiếu nước đầu vụ nhưng có nước muộn có thể chuyển sang trồng ngô sinh khối hoặc các cây màu khác có nhu cầu nước ít hơn như: đậu đỗ, vừng, hoa lý, ...; các cây trồng lâu năm, ...

+ Đối với vùng thấp lụt có thể chuyển sang trồng sen, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản,...

- Cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân nắm rõ các điều kiện và thủ tục chuyển đổi theo quy định; đồng thời tăng cường quảng bá các mô hình chuyển đổi có hiệu quả, các quy trình sản xuất an toàn trên đất chuyển đổi để người dân biết và áp dụng rộng rãi.

3.3. Về Phân bón

- Vụ Hè thu - Mùa có khoảng thời gian giữa 2 vụ ngắn, chất hữu cơ trên ruộng chưa phân hủy hết, do vậy để đảm bảo an toàn, hiệu quả cần ưu tiên sử dụng các chế phẩm sinh học để phân hủy gốc rạ tránh ngộ độc hữu cơ; cày bừa kỹ; bón phân cân đối, đúng loại, bón nặng đầu, nhẹ cuối.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, xây dựng mô hình để khuyến khích người dân sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... nhằm giảm thiểu phân bón hóa học, đồng thời cải tạo tính chất đất, giúp cây trồng dễ hấp thu, chống chịu với điều kiện bất thuận, vừa giảm chi phí đầu vào, đảm bảo an toàn với môi trường và sức khỏe con người.

- Để giảm thất thoát phân do nắng hạn, mưa lớn, cần căn cứ vào điều kiện thời tiết, nhu cầu dinh dưỡng từng thời điểm, từng chân đất và đối tượng cây trồng để tăng hiệu quả sử dụng phân bón.

3.4. Công tác Bảo vệ thực vật

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, kiểm tra, giám sát công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng. Thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết ở các giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng, diễn biến phát sinh dịch chính trên đồng ruộng như: Sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié,... hại lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, để chủ động áp dụng biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ theo nguyên tắc 4 đúng.

3.5. Công tác thủy lợi

- Phải bảo đảm tưới đủ cho toàn bộ diện tích gieo cấy theo kế hoạch đề ra và chống hạn cho cây công nghiệp, cây ăn quả,... trong đó ưu tiên nước phục vụ tưới cho gieo cấy lúa vụ Hè Thu (khoảng 56.000 ha).

- Rà soát tình hình nguồn nước; Lập phương án tưới chống hạn cho từng vùng, từng công trình (nhất là vùng cuối kênh, vùng bán sơn địa, vùng sử dụng nguồn nước tưới sông Lam) và thực hiện khi hạn hán thiếu nước xảy ra. Phối hợp với các địa phương, đơn vị lập kế hoạch tưới nước từ các công trình thủy lợi cho các cây trồng theo tình hình nguồn nước hiện có, đồng thời bố trí lực lượng thường trực tại các công trình thủy lợi để vận hành công trình đáp ứng yêu cầu nước tưới phục vụ sản xuất và đảm bảo tiêu úng kịp thời khi có mưa bão xảy ra.

- Phối hợp, sẵn sàng lấy nước và dự trữ vào hệ thống và trên ruộng đồng khi các nhà máy thủy điện xả nước tối đa phục vụ sản xuất; tận dụng đầm, ao hồ, bầu biển, sông cạn, các kênh trục lớn để tích trữ nước nội đồng.

- Đối với hệ thống tưới: Đẩy nhanh tiến độ tu sửa kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, các cửa vào cống lấy nước, bể hút các trạm bơm, đảm bảo 100% công trình sẵn sàng vận hành phục vụ sản xuất.

- Đối với hệ thống tiêu: Tập trung nạo vét, thông thoát hệ thống kênh tiêu (nhất là kênh tiêu nội đồng) bị bồi lấp, ách tắc, đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời khi có mưa, lũ. Đồng thời, chủ động trữ nước trong nội đồng khi có thông tin thời tiết bất lợi về nguồn nước.

- Quản lý chặt chẽ nguồn nước, chống rò rỉ thất thoát, sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường sử dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho lúa và cây trồng cạn.

- Lắp đặt các trạm bơm dã chiến; bảo dưỡng máy móc thiết bị, sẵn sàng vận hành bơm chống hạn.

- Đối với các loại cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: Chuẩn bị các điều kiện để chống hạn khi nắng hạn kéo dài gây ra như: Tủ gốc để giữ ẩm, khoan giếng ở những nơi có mạch nước ngầm, đắp các hồ chứa, bể chứa nhỏ, phát triển mạng lưới bơm nhỏ để tưới. Riêng đối với cây Chè ngoài thực hiện các biện pháp chống hạn nêu trên thì nên bố trí trồng các loại cây che bóng phù hợp trên vườn chè và không hái chè bằng máy vào thời gian nắng hạn, dừng hái khi có nắng hạn kéo dài.

- Tuyệt đối phải tuân thủ quy trình: Trước, trong khi bơm phải kiểm tra nguồn nước, nếu độ mặn đến ngưỡng không cho phép theo quy định thì phải ngừng bơm ngay để không làm ảnh hưởng cây lúa và hoa màu.

- Tổ chức quản lý vận hành các hệ thống và các công trình thủy lợi phù hợp, tiết kiệm nước.

3.6. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ

thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

- Các địa phương tổ chức quản lý tốt vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV,...) trên địa bàn mình đúng theo các quy định của nhà nước.

3.7. Về ứng dụng các tiến bộ KHCN, nhân rộng các mô hình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất an toàn (theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,...) trên các cây trồng thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân gắn với triển khai xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn vùng trồng tạo ra nông sản an toàn, chất lượng đủ điều kiện xuất khẩu, đồng thời có các chính sách cũng như thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia để mở rộng những diện tích này.

- Mở rộng diện tích cây lúa bằng máy để giải quyết vấn đề già hóa lao động trong sản xuất nông nghiệp.

- Duy trì, phát triển các diện tích rau, củ, quả, chè, lúa,... sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng, ... Quan tâm mở rộng diện tích sản xuất lúa giảm phát thải, hướng tới sản xuất bền vững và tạo lập tín chỉ cacbon.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, ... để nông dân biết và thực hiện.

3.8. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và cấp mã số vùng trồng

a. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, quan tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác liên kết hoạt động có hiệu quả gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hoá đồng bộ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách của trung ương và địa phương đã ban hành, quan tâm ưu tiên nguồn lực từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ thực hiện các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất.

- Kêu gọi các doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân để sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát để hỗ trợ, tháo gỡ, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc thực hiện các hợp tác, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân và mối quan hệ giữa các thành viên trong hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xúc tiến thương mại; tập trung vào việc cung cấp thông tin sản phẩm, tìm kiếm thị trường, thị hiếu và nhu cầu của khách hàng. Đa dạng hóa các hình thức giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

b. Cấp, quản lý mã số vùng trồng

- Thực hiện cấp và kiểm tra, giám sát đối với các mã số vùng trồng đã được cấp theo Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch cấp mã số vùng trồng theo hướng dẫn và thực hiện phân kỳ cụ thể kế hoạch cấp mã số vùng trồng cho từng đối tượng cây trồng.

3.9. Cơ chế chính sách

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh cho người dân gồm:

- Chính sách hỗ trợ quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Chính sách hỗ trợ giống, tưới, máy nông nghiệp, hỗ trợ tập trung ruộng đất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi, sản xuất nông sản ứng dụng CNC trong nhà lưới, nhà màng, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, ... trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh để khôi phục sản xuất theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,...theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Chính sách về Bảo hiểm Nông nghiệp tại Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài chính sách của Trung ương và tỉnh, đề nghị UBND các huyện, thành, thị cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để hỗ

trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2025. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát các đơn vị chuyên môn của Sở thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ để hoàn thành tốt các nội dung của đề án.

- Đầu mối khâu nối, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An,... và các địa phương xây dựng các chương trình tuyên truyền hướng dẫn, khuyến cáo nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh hại do cơ quan chuyên môn đề ra.

4.2. Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

a. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Phối hợp với các địa phương tuyên truyền; kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Thường xuyên phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn Bắc Trung bộ để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình hạn hán, mưa bão, đông lốc và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả với những tình huống thời tiết bất thuận để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra hạn hán, mưa bão, dịch bệnh cây trồng,....

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại cây trồng nếu xảy ra hạn hán, mưa bão, dịch bệnh cây trồng.

- Phối hợp với các ban ngành, địa phương để hướng dẫn ứng dụng và mở rộng các mô hình thực hành nông nghiệp tốt, như: VietGAP, hữu cơ,... đồng thời,

triển khai xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn vùng trồng tạo ra nông sản an toàn, chất lượng phục vụ chế biến và đủ điều kiện xuất khẩu.

- Xây dựng phương án phòng trừ sâu bệnh bảo vệ sản xuất vụ Hè thu –Mùa 2025 để các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện, trong đó lưu ý công tác phòng trừ bệnh lùn sọc đen, sâu cuốn lá nhỏ, chuột, ... hại lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp để phổ biến, khuyến cáo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

b. Chi cục Thủy lợi

- Xây dựng phương án tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2025. Trên cơ sở đó tham mưu trình UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, đơn vị cân đối nguồn nước để phục vụ sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan để xây dựng phương án chống hạn ngay từ đầu vụ (nhất là những diện tích có nguy cơ hạn hán, vùng bán sơn địa, cuối kênh). Trong đó, lưu ý vùng bơm điện phải có lịch tưới cụ thể để có căn cứ thống nhất với ngành điện về bố trí điện phục vụ chống hạn. Ngoài chống hạn cần xây dựng phương án tiêu thoát nước khi có mưa to, ngập úng vào cuối vụ nhằm giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do mưa bão.

- Chỉ đạo các Công ty, Xí nghiệp cung cấp đủ nước và kịp thời cho sản xuất, kiên quyết không để tình trạng thiếu nước xảy ra trên diện tích gieo cấy lúa theo kế hoạch. Phối hợp với các Ban quản lý công trình thủy điện (nhất là Ban quản lý công trình thủy điện Bản Vẽ, Khe Bó, Chi Khê) để có kế hoạch xả nước hợp lý, đảm bảo sản xuất.

- Tiến hành rà soát lại nguồn nước ở các hồ đập, sông suối trên địa bàn tỉnh kể cả các hồ đập nhỏ, trên cơ sở đó phối hợp với các địa phương đề xuất phương án bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý cho từng vùng.

- Chỉ đạo vận hành đúng quy trình các cửa âu thuyền ở các cống ngăn mặn để tiết kiệm nước và giữ ngọt ở các cống Bến Thủy, Nghi Quang, Diễn Thành. Rà soát kiểm tra số lượng bơm điện, bơm dầu đã chiến nếu hư hỏng phải đầu tư tu sửa để sẵn sàng đối phó khi xảy ra hạn hán kéo dài.

c. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố, thị xã để triển khai thực hiện Đề án, trong đó chú trọng tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp tham gia sản xuất; hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d. Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

- Tập trung quản lý, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm và kết nối tiêu thụ, xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn nhất là các sản phẩm rau, củ, quả,...

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, UBND cấp huyện và các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

đ. Trung tâm Khuyến nông

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Hè thu, Mùa 2025, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh các cây trồng vụ Hè thu, Mùa đến tận người sản xuất thông qua các lớp tập huấn, đào tạo.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật mới khác.

e. Trung tâm Giống cây trồng

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm và phục tráng giống cây trồng.

- Tổ chức triển khai theo dõi, đánh giá về tiềm năng năng suất, thời gian sinh trưởng của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường qua (Phòng Quản lý kỹ thuật và KHCN).

f. Các đơn vị khác thuộc Sở: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Hè Thu, Mùa 2025.

4.3. Các tổ chức chính trị xã hội

Căn cứ nhiệm chức năng nhiệm vụ chính trị của mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo các cấp hội vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Hè thu, Mùa 2025.

4.4. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a. Trên cơ sở Đề án sản xuất trồng trọt của Sở Nông nghiệp và Môi trường, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh sản xuất,... của địa phương để xây dựng Đề án sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu - Mùa năm 2025 kịp thời. Đề án phải phù hợp với tình hình thực tế, lợi thế địa phương, sản xuất an toàn và các giải pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện phải tích cực, quyết liệt. Đặc biệt, phải chủ động đề ra giải pháp tổ chức thực hiện Đề án sản xuất, hướng dẫn cấp xã xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong bối cảnh thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tại địa phương (bỏ cấp huyện, sáp nhập cấp xã) nhằm đảm bảo việc chỉ đạo tổ chức sản xuất vụ Hè thu, Mùa 2025 một cách liên tục, thông suốt và đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

b. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương trên các phương diện:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt, phân vùng để chỉ đạo sản xuất để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Xây dựng cơ cấu giống, thời vụ cho Hè Thu - vụ Mùa 2025 để chỉ đạo nông dân thực hiện nghiêm, nhất là đối với thời vụ gieo cấy lúa vùng sâu rừng, thường xuyên ngập lụt và ưu tiên sử dụng các giống lúa chất lượng; đồng thời đẩy mạnh diện tích các cây trồng sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ.

- Các địa phương, đơn vị xây dựng phương án chống hạn và tổ chức thực hiện. Rà soát lại nguồn nước để xây dựng kế hoạch tưới vụ Hè Thu – Mùa phù hợp, không gieo trồng đối với những diện tích không đảm bảo tưới suốt vụ. Xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, nhất là vùng cao cường, vùng cuối kênh không có nước tưới suốt cả vụ hoặc vùng sản xuất lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng các cây trồng khác có hiệu quả hơn để hạn chế mức thấp nhất diện tích đất bỏ hoang (không sản xuất).

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra để quản lý chất lượng giống cây trồng, phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng vật tư nông nghiệp không đảm bảo chất lượng để bảo vệ tốt quyền lợi cho người nông dân.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp hạn chế thiệt hại do hạn hán, mưa bão gây ra; thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu sở Nông nghiệp và Môi trường phương án xử lý kịp thời.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất vụ Hè thu - Mùa cấp huyện; Phân công lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng, ban phụ trách chỉ đạo và chịu trách nhiệm cụ thể từng xã, cụm xã, phường, thị trấn; Đồng thời, phân cấp trách nhiệm cụ thể cho cấp xã để nâng cao vai trò cấp xã chủ động trong quá trình chỉ đạo, tổ chức sản xuất vụ Hè thu, Mùa được liên tục và hiệu quả. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại.

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tăng cường giám sát đồng ruộng, thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra phát hiện, dự tính dự báo và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, trong đó chú ý các đối tượng như: bệnh lùn sọc đen, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,... trên cây lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, ...

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành, thực hiện các cơ chế hỗ trợ nông dân về: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN cao vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại, ... ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

c. Đầu mối mời gọi các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Hè thu - Mùa để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

d. Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

e. Đảm bảo sau khi bỏ đơn vị hành chính cấp huyện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về trồng trọt được thực hiện thông suốt, nhất là công tác chỉ đạo sản xuất.

4.5. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, Hợp tác xã

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp, HTX bao tiêu sản phẩm cần tăng cường mở rộng các mô hình liên kết và bao tiêu các sản phẩm cây trồng với nông dân hoặc tổ chức đại diện nông dân như tổ hợp tác để ổn định đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất.

V. KIẾN NGHỊ

Vụ Hè Thu, Mùa năm 2025 là vụ sản xuất đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như hạn hán, bão lụt, các loại sâu bệnh có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như: sâu cuốn lá nhỏ, bệnh lùn sọc đen, sâu keo mùa thu, chuột,... Đặc biệt, vụ Hè thu, Mùa 2025 diễn ra trong giai đoạn thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp (bỏ cấp huyện, sáp nhập cấp xã). Do đó, để đảm bảo

chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án sản xuất trồng trọt vụ Hè thu, Mùa 2025 giành thắng lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị:

5.1. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2025 để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo sản xuất thắng lợi.

- Chỉ đạo các cấp, ngành, các đơn vị chuyên môn và địa phương tập trung chỉ đạo, triển khai tổ chức sản xuất và đề ra các cơ chế phối hợp, giải pháp phân cấp trách nhiệm cụ thể để chỉ đạo sản xuất vụ Hè thu, Mùa hiệu quả trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy (bỏ cấp huyện, sáp nhập xã); đồng thời, triển khai các chính sách hỗ trợ để khuyến khích người dân đầu tư sản xuất để đảm bảo vụ Hè thu – Mùa 2025 đạt kết quả cao nhất;

- Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất để thường xuyên theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh giúp các địa phương tháo gỡ khi triển khai thực hiện Đề án; Xây dựng phương án chống hạn, xâm nhập mặn, lụt bão vụ Hè thu - Mùa cụ thể, chi tiết cho từng vùng để đảm bảo công tác cấp và tiêu nước phục vụ sản xuất khi có hạn hán, lụt bão xảy ra.

- Quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện để triển khai một số giải pháp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất vụ Hè thu, Mùa, điển hình như:

+ Tăng cường chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; Trong đó, triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đất trồng lúa, tăng độ phì cho đất, xử lý gốc rạ giảm ngộ độc hữu cơ và diệt ốc bươu vàng,... bằng việc sử dụng các loại chế phẩm vi sinh, chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ, vi sinh,... phục vụ sản xuất Hè thu, Mùa 2025.

+ Tăng cường chỉ đạo, hỗ trợ nguồn lực để tập trung phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng đảm bảo đủ điều kiện xuất khẩu, từng bước xây dựng các vùng trồng tập trung đạt tiêu chuẩn sẵn sàng phục vụ chế biến, nội tiêu và xuất khẩu.

5.2. Sở Công thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các Công ty Thủy điện trên địa bàn tỉnh điều tiết xả nước với lưu lượng phù hợp để đảm bảo cấp đủ nước tưới phục vụ sản xuất, dân sinh cho vùng hạ du khi thiếu nước.

- Chỉ đạo điện lực Nghệ An căn cứ vào lịch thời vụ sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2025 để ưu tiên cấp điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là những địa phương, các vùng không chủ động được nước, thời điểm cần điện để bơm nước để gieo cấy lúa và tưới dưỡng.

- Hỗ trợ kết nối tiêu thụ và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, từng bước mở rộng thị trường nội tiêu và xuất khẩu.

5.3. Các cơ quan thông tin đại chúng: Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu

tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ sản xuất trong vụ Hè thu - Mùa năm 2025. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là những nội dung của Đề án sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu - Mùa 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp & Môi trường, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp và tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh để sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2025 đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Văn Đệ PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành, thị (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở NNMT (để thực hiện);
- Webservice Sở;
- Lưu VT, QLKTKHCN, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Việt

Phụ lục 01: Kết quả sản xuất vụ Hè Thu - Mùa năm 2024(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2025 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Chỉ tiêu	Hè thu - Mùa 2023	Hè thu - Mùa 2024	So sánh 2024/2023		Kết quả vụ Hè Thu - Mùa 2024 so với kế hoạch	
				Tăng (+)	%	Tăng (+)	%
				Giảm (-)		Giảm (-)	
1	Cây lúa: - Diện tích gieo trồng	77.696,01	77.133,85	-562,16	99,28	-2.366,15	97,02
	- Diện tích thu hoạch	77.207,01	77.132,85	-74,16	99,90	-2.367,15	97,02
	- Năng suất thu hoạch	48,43	50,08	1,65	103,41	2,78	105,89
	- Sản lượng	373.913,26	386.309,16	12.395,90	103,32	10.239,16	102,72
1.1	Vụ Hè Thu: - Diện tích gieo trồng	56.947,89	56.859,59	-88,30	99,84	-40,41	99,93
	- Diện tích thu hoạch	56.828,26	56.858,59	30,33	100,05	-41,41	99,93
	- Năng suất thu hoạch	51,33	53,27	1,94	103,78	2,27	104,45
	- Sản lượng	291.682,00	302.890,77	11.208,77	103,84	12.700,77	104,38
1.2	Vụ Mùa: - Diện tích gieo trồng	20.748,12	20.274,26	-473,86	97,72	-2.325,74	89,71
	- Diện tích thu hoạch	20.378,75	20.274,26	-104,49	99,49	-2.325,74	89,71
	- Năng suất thu hoạch	40,35	41,14	0,79	101,96	3,14	108,26
	- Sản lượng	82.231,26	83.418,39	1.187,13	101,44	-2.461,61	97,13
2	Cây ngô: - Tổng diện tích gieo trồng	14.660,62	13.969,98	-690,64	95,29	1.969,98	116,42
	- Diện tích cho thu hoạch	14.613,22	13.969,98	-643,24	95,60	1.969,98	116,42
2.1	Ngô lấy hạt						
	- Diện tích gieo trồng	12.025,31	11.501,97	-523,34	95,65	2.501,97	127,80
	- Diện tích thu hoạch	11.977,91	11.501,97	-475,94	96,03	2.501,97	127,80
	- Năng suất thu hoạch	38,69	39,89	1,20	103,10	1,89	104,97
	- Sản lượng	46.337,10	45.877,81	-459,29	99,01	11.677,81	134,15
2.2	Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò						
	- Diện tích gieo trồng	2.635,31	2.468,01	-167,30	93,65	-531,99	82,27
	- Diện tích thu hoạch	2.635,31	2.468,01	-167,30	93,65	-531,99	82,27
	- Năng suất thu hoạch	351,13	373,26	22,13	106,30	23,26	106,65
	- Sản lượng	92.534,16	92.122,08	-412,08	99,55	-12.877,92	87,74
3	Rau các loại: -Diện tích gieo trồng	12.175,47	12.587,76	412,29	103,39	1.187,76	110,42
	- Diện tích thu hoạch	12.174,62	12.574,46	399,84	103,28	1.174,46	110,30
	- Năng suất thu hoạch	148,73	147,06	-1,67	98,88	-2,94	98,04
	- Sản lượng	181.075,89	184.915,94	3.840,05	102,12	13.915,94	108,14
4	Đậu đỗ các loại: - Diện tích gieo trồng	2.187,01	1.902,42	-284,59	86,99	-297,58	86,47
	hoạch	2.187,01	1.902,42	-284,59	86,99	-297,58	86,47
	- Năng suất thu hoạch	8,95	9,00	0,05	100,56	0,2	102,27
	- Sản lượng	1.957,56	1.712,84	-244,72	87,50	-223,16	88,47
5	Cây lạc: - Diện tích gieo trồng	615,65	592,05	-23,60	96,17	-87,95	87,07
	- Diện tích thu hoạch	615,65	592,05	-23,60	96,17	-87,95	87,07
	- Năng suất thu hoạch	22,21	22,56	0,35	101,58	0,56	102,55
	- Sản lượng	1.367,45	1.335,73	-31,72	97,68	-160,27	89,29
6	Cây vừng: - Diện tích gieo trồng	2.777,97	2.970,51	192,54	106,93	370,51	114,25
	- Diện tích thu hoạch	2.777,97	2.970,51	192,54	106,93	370,51	114,25
	- Năng suất thu hoạch	7,55	7,39	-0,16	97,88	-0,11	98,53
	- Sản lượng	2.096,89	2.196,23	99,34	104,74	246,23	112,63

Phụ lục 02: KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ HÈ THU – MÙA NĂM 2025
(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

STT	Toàn tỉnh	Cây lúa (ha)						Cây ngô (ha)		Cây lạc (ha)	Cây vừng (ha)	Cây rau các loại (ha)	Cây đậu đỗ (ha)
		Tổng Diện tích	Trong đó				Tổng DT	Trong đó diện tích Ngô sinh khối					
			Cơ cấu mùa vụ			Cơ cấu giống							
			Lúa vụ Hè thu	Lúa vụ Mùa		Lúa Lai			Lúa Thuần				
Tổng diện tích lúa vụ Mùa	Trong đó diện tích lúa rẫy												
		77.500,0	56.000,0	21.500,0	4.800,0	9.000,0	68.500,0	11.500,0	2.800,0	600,0	2.600,0	11.600,0	1.900,0
1	Diễn Châu	6.000,0	6.000,0	0,0	0,00	855,0	5.145,0	570,0	0,0	0,0	1.680,0	810,0	168,0
2	Yên Thành	10.900,0	10.900,0	0,0	0,0	900,0	10.000,0	800,0	50,0	55,0	50,0	1.200,0	150,0
3	Quỳnh Lưu	3.800,0	3.800,0	0,0	0,0	300,0	3.500,0	655,0	135,0	30,0	145,0	2.000,0	35,0
4	TX Hoàng Mai	600,0	200,0	400,0	0,0	60,0	540,0	225,0	0,0	35,0	0,0	650,0	0,0
5	Nghi Lộc	5.900,0	5.130,0	770,0	0,0	0,0	5.900,0	180,0	0,0	0,0	123,0	330,0	25,0
6	Nam Đàn	5.500,0	5.500,0	0,0	0,0	0,00	5.500,0	170,0	95,0	45,0	228,0	950,0	610,0
7	Hưng Nguyên	4.100,0	4.100,0	0,0	0,0	0,0	4.100,0	80,0	50,0	0,0	102,0	450,0	80,0
8	Đô Lương	8.000,0	8.000,0	0,0	0,0	185,0	7.815,0	510,0	25,0	100,0	26,0	520,0	70,0
9	TP Vinh	900,0	500,0	400,0	0,0	0,0	900,0	100,0	0,0	0,0	15,0	120,0	3,0
10	Thanh Chương	5.000,0	5.000,0	0,0	0,0	200,0	4.800,0	500,0	0,0	60,0	100,0	500,0	500,0
11	Tân Kỳ	4.400,0	1.200,0	3.200,0	0,0	1.800,0	2.600,0	1.500,0	1.000,0	30,0	80,0	440,0	25,0
12	Nghĩa Đàn	3.400,0	400,0	3.000,0	0,0	2.700,0	700,0	1.850,0	720,0	70,0	5,0	1.800,0	110,0
13	TX Thái Hoà	750,0	0,0	750,0	0,0	200,0	550,0	200,0	100,0	3,0	0,0	120,0	50,0
14	Quỳ Hợp	2.600,0	1.800,0	800,0	0,0	780,0	1.820,0	800,0	20,0	5,0	0,0	470,0	0,0
15	Quỳ Châu	1.850,0	350,0	1.500,0	0,0	200,0	1.650,0	230,0	0,0	27,0	0,0	260,0	0,0
16	Quế Phong	2.500,0	0,0	2.500,0	0,0	500,0	2.000,0	150,0	0,0	65,0	0,0	100,0	20,0
17	Anh Sơn	2.550,0	2.350,0	200,0	0,0	200,0	2.350,0	800,0	500,0	20,0	40,0	300,0	50,0
18	Con Cuông	2.200,0	520,0	1.680,0	0,0	120,0	2.080,0	450,0	90,0	25,0	6,0	200,0	0,0
19	Tương Dương	1.460,0	250,0	1.210,0	500,0	0,0	1.460,0	800,0	15,0	30,0	0,0	380,0	4,0
20	Kỳ Sơn	5.090,0	0,0	5.090,0	4.300,0	0,0	5.090,0	930,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

**Phụ lục 03: Danh sách các giống lúa đưa vào cơ cấu giống sản xuất
trong vụ Hè Thu – Mùa 2025 tại Nghệ An**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2025 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	LÚA THUẬN			
I	Giống có diện tích lớn và có tiềm năng			
1.1	Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày			
1	TBR 97	95-100	50-55	
2	Khang dân đột biên	95-100	50-55	
1.2	Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày			
1	VNR 20	100-105	55-58	
2	LTH 31 (SL9)	100-105	55-58	
3	Khang dân 18	100-105	50-55	
4	Bắc Thịnh	100-105	50-55	
5	Vật tư NA2	100-105	50-55	
6	Hà Phát 3	105-110	55-60	
7	TBR 225	105-108	55-60	
8	Thiên ưu 8	103-108	55-60	
1.3	Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày			
1	Nếp 97	110-115	50-55	Lúa nếp
2	BC15	110-115	55-60	
3	Nếp 87	110-115	50-55	Lúa nếp
II	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			
2.1	Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày			
1	ĐH15	95-100	55-60	
2	Hương Thanh 10	90-95	50-55	
3	SV 181	90-95	50-55	
2.2	Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày			
1	TBR 87	100-105	55-60	
2	Hương Thanh 8	100-105	50-55	
3	Hương Bình	100-105	50-55	
4	ĐT 100	100-105	50-55	
5	DT 82	100-105	50-55	
6	ADI 168	100-105	50-55	
7	HANA 167	100-105	50-55	
8	NB-01	100-105	50-55	

9	QR1	100-105	50-55	
10	HANA số 6	100-105	50-55	
11	HG12	100-105	50-55	
12	BQ	100-105	50-55	
13	QP5	100-105	50-55	
14	Hạt ngọc 9	100-105	50-55	
15	ĐH12	100-105	50-55	
16	Thiên Hương 6	100-105	50-55	
17	AYT 77	100-105	50-55	
18	ĐB 18	100-105	50-55	
19	THP16	100-105	50-55	
20	HĐ 9	100-105	55-60	
21	HD11	100-105	50-55	
22	HANA số 7	100-105	50-55	
23	Smart 56	100-105	50-55	
24	Gia Lộc 35	100-105	50-55	
25	Hung Long 555	100-105	55-60	
26	LP5	100-105	50-55	
27	HDT 10	100-105	50-55	
28	ND 502	100-105	50-55	
29	Vật tư NA6	104-108	55-60	
30	TBR 89	105-110	55-60	
31	Bắc thơm 7	105-110	45-50	
32	Dự hương 8	105-110	55-60	
33	Nếp 98	105-110	50-52	Lúa nếp
34	Nếp A Sào	105-110	50-52	Lúa nếp
2.3	Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày			
1	Nếp ĐT 52	110-115	50-55	Lúa nếp
2	J02	110-115	50-55	
B	LÚA LAI			
I	Giống có diện tích lớn và có tiềm năng			
1.1	Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày			
1	Việt Lai 20	95-100	50-55	
1.2	Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày			
1	Thái Xuyên 111	107-110	60-65	
2	Long Hương 8117	105-110	55-60	
3	GS55	105-110	55-60	
4	Nhị ưu 986	105-110	58-60	
5	Thụy Hương 308	105-110	55-60	
II	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			

1	Nghi Hương 2308	105-110	55-60	
2	Nghi Hương 305	105-110	55-60	
3	Q.ưu 6	105-110	55-60	
4	Long Xuyên 81	105-110	55-60	
5	HD879	105-110	55-60	
6	ADI 73	105-110	55-60	
7	Dương ưu 612	105-110	55-60	
8	SYN12	105-110	55-60	
9	HYT 100	105-110	55-60	
10	MHC 2	105-110	55-60	
11	CS04	105-110	55-60	
12	CS15	105-110	55-60	
13	An Nông 1424	105-110	55-60	
14	An Nông 0818	105-110	55-60	
15	D ưu 725	105-110	55-60	
16	Lai thơm 6	100-105	50-55	
17	TH3-4	100-105	50-55	

**Phụ lục 04: Danh sách các giống ngô được đưa vào cơ cấu giống
sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa 2025 tại Nghệ An**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2025 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
I	Giống có diện tích lớn và có tiềm năng			
1	DK6919 S	100-103	55-60	Ngô biến đổi gen
2	CP511	105-110	50-55	
3	NK6275	105-110	55-60	
4	NK6101Bt/GT	105-110	55-60	Ngô biến đổi gen
5	CP 511S	105-110	55-60	Ngô biến đổi gen
6	MX10	80-85	45-50	Thu hoạch ăn tươi
7	HN68	62-65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
II	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			
2.1	Ngô lấy hạt			
1	CP 519	105-110	55-60	
2	CP 512	105-110	55-60	
3	PAC 139	105-110	50-55	
4	PAC 339	105-110	50-55	
5	PAC 789	105-110	50-55	
6	VS 36	105-110	50-55	
7	LVN14	95-100	50-55	Có sinh khối lớn
8	SSC 2095	95-100	50-55	
9	SSC 131	95-100	50-55	
10	SSC 557	95-100	50-55	
2.2	Ngô chuyên gen			
1	NK7328 Bt/GT	110-115	50-55	Có sinh khối lớn
2	PAC 999 Super S	110-115	50-55	
3	NK4300Bt/GT	105-110	50-55	
4	CP 501S	105-110	55-60	
5	CP 111S	105-110	55-60	
6	8282 S	100-105	55-60	
7	DK6818S	100-105	55-60	
8	NK66 Bt/GT	100-105	50-55	
2.3	Ngô có sinh khối			
1	PSC 102	100-105	52-57	Có sinh khối lớn

2	PSC 747	100-105	52-57	Có sinh khối lớn
3	SSC 586	100-105	50-55	Có sinh khối lớn
2.4	Ngô thu hoạch ăn tươi			
1	MX6	80-85	45-50	Thu hoạch ăn tươi
2	HN88	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
3	HN92	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
4	ADI 668	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
5	TBM 18	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi

Phụ lục 05: Danh sách các giống lạc đưa vào cơ cấu giống sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa 2025 tại Nghệ An

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Ghi chú
1	L14	95-110	
2	L23	100-105	
3	L26	95-100	
4	L27	95-100	
5	Sen lai 75/23	105-110	
6	TK10	100-110	
7	L20	100-105	

Phụ lục 06: Danh sách các giống vùng, đậu đỗ, rau đã sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa tại Nghệ An

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu - Mùa (ngày)	Ghi chú
I	Giống vùng		
-	Vùng V6	75 - 85	
-	Vùng đen địa phương	65 - 75	
-	Vùng vàng địa phương	65 - 75	
II	Giống đậu xanh		
-	V 135	60 - 65	
-	ĐX 208	60 - 65	
-	ĐX 11	65 - 70	
-	ĐX 21	72 - 75	
III	Giống đậu đen		
-	Giống đậu đen xanh lòng	85 - 90	
-	Giống đậu đen trắng lòng	85 - 90	
IV	Giống đậu đỏ		
	Giống đậu đỏ địa phương	55 - 60	
V	Giống rau		
5.1	Bí xanh		
-	Bí xanh số 1	100 - 110	
-	Nova 209	70 - 75	
-	Bí xanh Green 558	80 - 85	
-	Bí xanh Ruby 456	70 - 75	
-	An Điền 686	80 - 85	
5.2	Mướp ngọt		
-	Hương Việt	40 - 45	
-	Thanh Hoa	40 - 45	
5.3	Mướp đắng		
-	F1 Palee	65 - 70	
-	TV-208	45 - 47	
5.4	Dưa hấu		
-	Super Hoàn Châu	55 - 60	
-	Super Man	55 - 60	
-	Phù Đông	55 - 60	
-	Trang Nông 1096	53 - 58	
-	AD 779	53 - 58	
-	VT 448	55 - 60	
5.5	Rau mông toi	30 - 40	
5.6	Rau muông hạt	28 - 35	
5.7	Rau dền	25 - 30	

